

# VĨ MÔ & CHIẾN LƯỢC

**Chiến lược tuần:**

**Kỳ vọng thiết lập cân bằng tại vùng hỗ trợ 1760**

Tổng quan



Tin tức vĩ mô  
trong nước



Triển vọng  
thị trường



Trần Thị Ngọc Hoà

[hoa.ttn@miraeasset.com.vn](mailto:hoa.ttn@miraeasset.com.vn)

## Thế giới

- Thị trường điều chỉnh giảm kỳ vọng về việc Fed tăng lãi suất trong thời gian ngắn sắp tới, trong bối cảnh dữ liệu lạm phát tháng 6 của Mỹ tăng thấp hơn kỳ vọng thị trường (CPI tháng 6: +3,5% YoY (kỳ vọng thị trường +3,8%, tháng 5: +4,2%). Tuy nhiên, **căng thẳng địa chính trị vẫn là rủi ro cần theo dõi**, khi giá dầu Brent tăng lên 88 USD/thùng (+15,9% WoW) tính đến 17/7, trong bối cảnh căng thẳng Mỹ và Iran gia tăng trở lại.

## Việt Nam

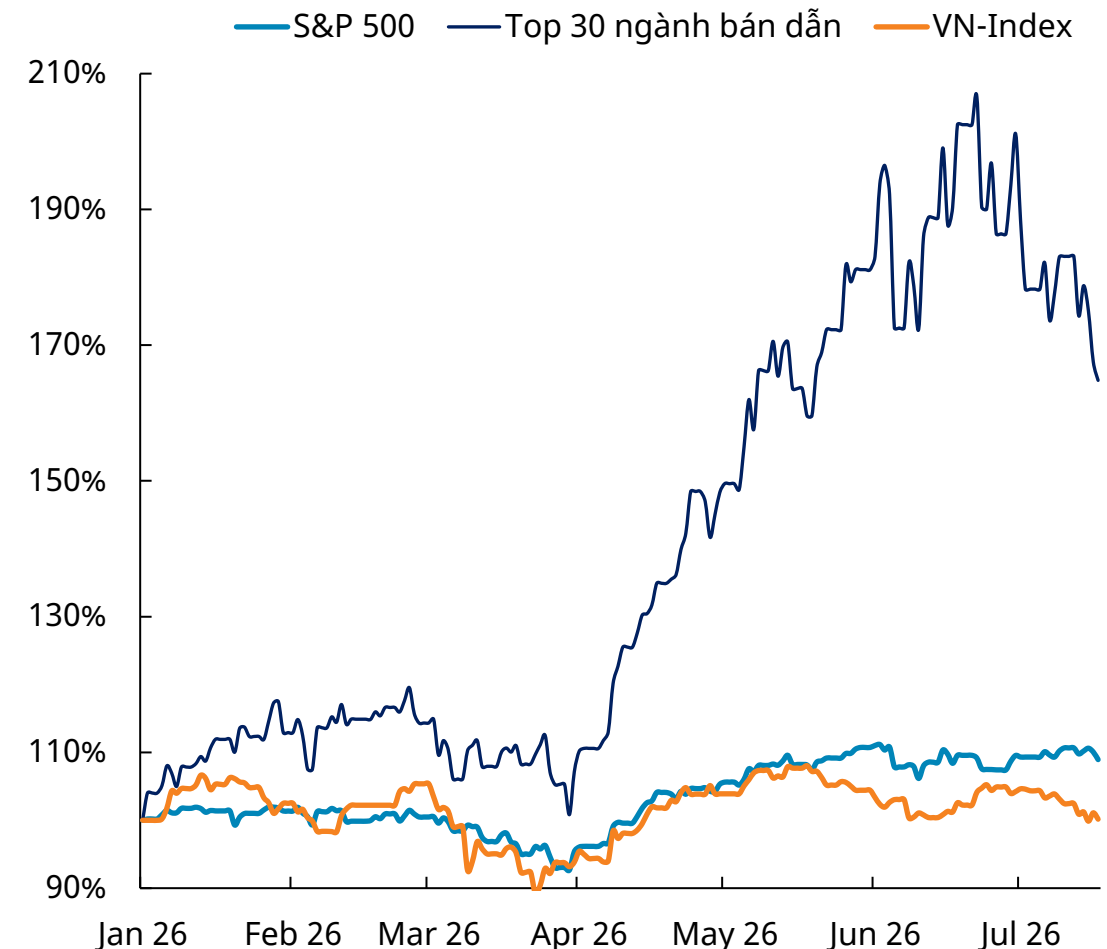
- Tiêu điểm tuần:**
  - Trong dự thảo Luật Nhà ở sửa đổi mới nhất, **Bộ Xây dựng bỏ đề xuất sở hữu chung cư có thời hạn, giữ nguyên quyền sở hữu lâu dài**
- Chỉ số DXY giảm nhẹ nhưng vẫn trên mốc 100 điểm** (ở mức 100,8 điểm tính tới 17/7). **Tỷ giá chính thức ổn định** (26.460; -0,01% WoW; +0,3% YTD), **tỷ giá tự do tiếp tục hạ nhiệt** (26.410; -0,2% WoW; -1,5% YTD).
- Lãi suất qua đêm hạ nhiệt về 4,11%** (-57ps WoW) tính đến 16/7, thanh khoản hệ thống cải thiện. Trong tuần 13–17/7, NHNN bơm ~8,1 nghìn tỷ qua OMO.
- VN-Index: 1.787,45 (-2,2% WoW) giảm tuần thứ 3 liên tiếp và thanh khoản vẫn ở mức thấp** (GTGD bình quân khoảng 14,5 nghìn tỷ/ngày; +4% WoW). Trong khi hầu hết các ngành đều giảm điểm, **một số ngành phòng thủ như Tiêu dùng thiết yếu (VNM, MCH) và Tiện ích (GAS) tích cực trong bối cảnh thị trường biến động mạnh**.
- Thị trường kỳ vọng vẫn thận trọng trong ngắn hạn:** 1) Bất ổn địa chính trị bên ngoài và “cơn gió ngược” Fed với sự bất định hơn trong chính sách điều hành của chủ tịch mới; 2) Áp lực về lãi suất và đà bán ròng của khối ngoại; 3) Tâm lý chờ đợi những tín hiệu ban đầu của hiệu quả chính sách thúc đẩy kinh tế trong nước được ban hành. Do vậy, **việc duy trì tỷ trọng danh mục ở mức an toàn và quản trị rủi ro vẫn nên được ưu tiên. Trong ngắn hạn, chúng tôi kỳ vọng thị trường có thể kiểm định và thiết lập cân bằng tại vùng 1760–1780. Ngưỡng hỗ trợ: 1760. Ngưỡng kháng cự: 1880.**
- Định giá:** P/E đang ở mức 14,8x (hấp dẫn so với mức trung bình dài hạn 17x).

# 1 Tổng quan

## Bối cảnh toàn cầu: Điều chỉnh giảm kỳ vọng Fed tăng lãi suất khi lạm phát tháng 6 hạ nhiệt

- Tuần qua, top 30 cổ phiếu bán dẫn giao dịch tại Mỹ (SOX) **giảm 10% WoW và hơn 20% từ mức đỉnh thiết lập vào cuối tháng 6**, phản ánh áp lực chốt lời, đi kèm nỗi lo ngại về hiệu quả và khả năng sinh lời từ làn sóng đầu tư AI và áp lực cạnh tranh từ Trung Quốc.
- Thị trường điều chỉnh giảm kỳ vọng về việc Fed tăng lãi suất trong thời gian ngắn sắp tới, trong bối cảnh dữ liệu lạm phát tháng 6 của Mỹ tăng thấp hơn kỳ vọng thị trường (CPI tháng 6: +3,5% YoY, kỳ vọng thị trường +3,8%, tháng 5: +4,2%); PPI tháng 6: +5,5% YoY, kỳ vọng thị trường +6,2%, tháng 5: +6%). **Lãi suất trái phiếu kho bạc Mỹ 10 năm cũng giảm xuống 4,55% tính đến 17/7 (-7bps từ mức 4,62% vào 13/7).**
- Tuy nhiên, **căng thẳng địa chính trị vẫn là rủi ro cần theo dõi, khi giá dầu Brent tăng lên 88 USD/thùng (+15,9% WoW) tính đến 17/7, trong bối cảnh căng thẳng Mỹ và Iran gia tăng trở lại.**
- Sự kiện thế giới sắp tới: Quyết định lãi suất của Ngân hàng trung ương châu Âu (ECB). Thị trường kỳ vọng ECB giữ nguyên lãi suất trong cuộc họp này và tăng lãi suất ít nhất một đợt nữa vào tháng 9. Một số tâm điểm khác: 1) PMI ước tính tháng 7 của châu Âu và Mỹ; 2) KQKD của một số cổ phiếu công nghệ như Alphabet và SK Hynix.

### Diễn biến chỉ số S&P 500, Top 30 ngành bán dẫn của Mỹ, và VN-Index



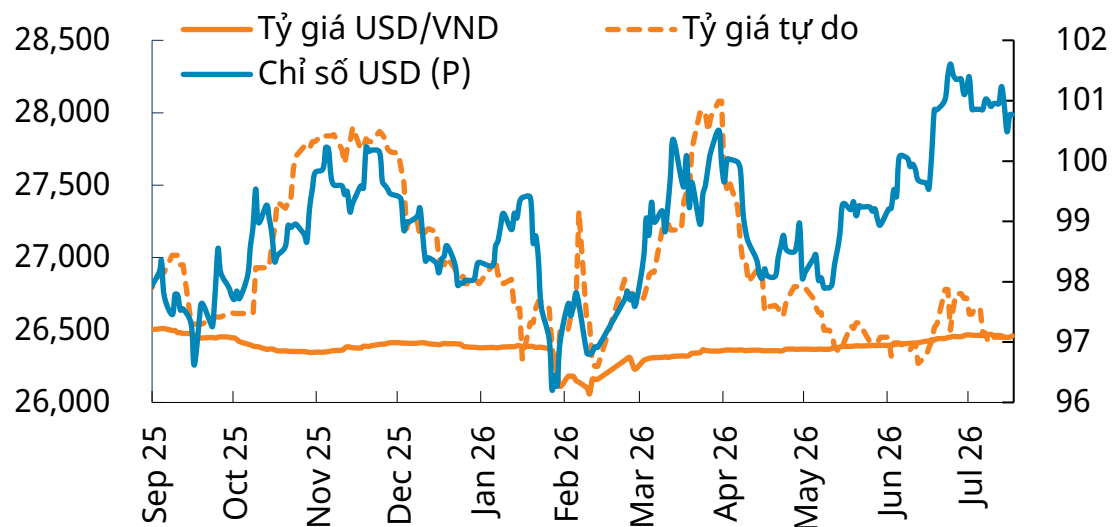
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg. cập nhật tới ngày 17/07/2026

# 1 Tổng quan (Tiếp theo)

## Tỷ giá ổn định và lãi suất liên ngân hàng hạ nhiệt

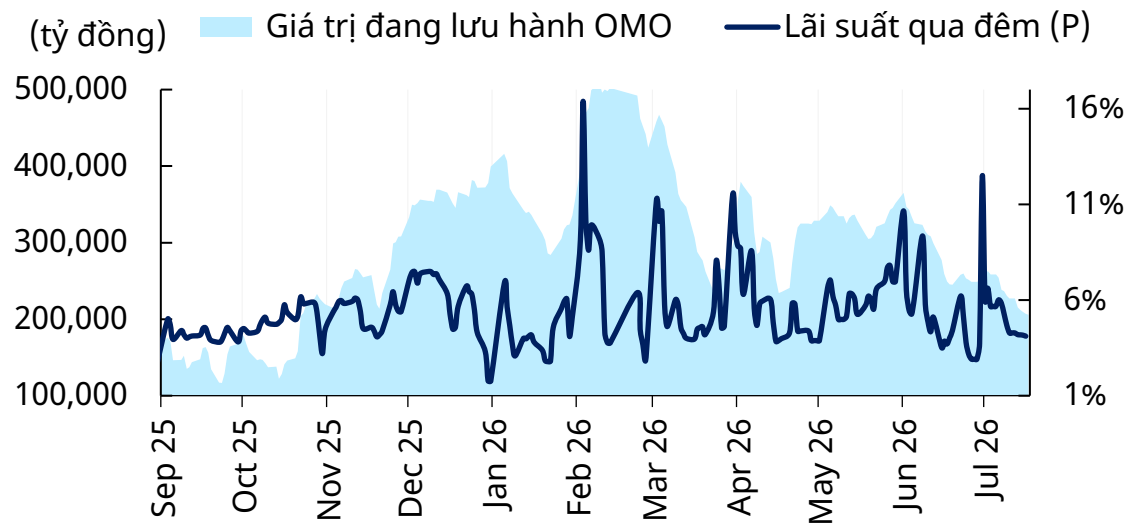
- **Chỉ số DXY giảm nhẹ nhưng vẫn trên mốc 100 điểm** (ở mức 100,8 điểm tính tới 17/7), trong bối cảnh lạm phát Mỹ hạ nhiệt làm giảm bớt kỳ vọng về việc Fed tăng lãi suất trong thời gian tới, mặc dù xung đột leo thang giữa Mỹ và Iran tiếp tục làm dấy lên lo ngại về lạm phát. **Tỷ giá USD/VND tự do tiếp tục hạ nhiệt xuống 26.410** (-0,2% WoW; -1,5% YTD). Bên cạnh đó, nhờ NHNN điều hành tỷ giá linh hoạt, phối hợp đồng bộ các công cụ chính sách tiền tệ nhằm ổn định thị trường ngoại tệ, tỷ giá chính thức duy trì ổn định ở mức 26.460 (-0,01% WoW; +0,3% YTD).
- **Lãi suất qua đêm tiếp tục hạ nhiệt về 4,11% (-57ps WoW)** tính đến ngày 16/7, với thanh khoản hệ thống cải thiện. Trong tuần 13–17/7, NHNN bơm gần 8,1 nghìn tỷ qua OMO (mua kỳ hạn 35–63 ngày) tại mức lãi suất giữ nguyên là 4,5% (sau khi tăng 50bps kể từ ngày 3/12/2025). Theo đó, **thanh khoản thị trường liên ngân hàng đã giảm gần 21,3 nghìn tỷ đồng**.

### Tương quan giữa tỷ giá USD/VND và chỉ số DXY



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp.  
Dữ liệu từ Bloomberg, FiinPro. NHNN, cập nhật tới 17/07/2026.

### Thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp.  
Dữ liệu từ FiinPro. NHNN, OMO cập nhật tới 17/07/2026, lãi suất liên ngân hàng cập nhật tới 16/07/2026

## Thị trường duy trì thận trọng trong khi chờ đợi những tín hiệu ban đầu của hiệu quả chính sách



## Tin trong nước nổi bật

- Trong dự thảo Luật Nhà ở sửa đổi mới nhất, **Bộ Xây dựng** bỏ đề xuất sở hữu chung cư có thời hạn, giữ nguyên quyền sở hữu lâu dài.
- **Một số doanh nghiệp lớn công bố kết quả kinh doanh quý 2 tích cực:**
  - **FPT:** Trong 1H26, FPT ghi nhận doanh thu 26.269 tỷ đồng (+12,6% YoY), lợi nhuận trước thuế 5.714 tỷ đồng (+18,1% YoY). Lợi nhuận sau thuế cho cổ đông công ty mẹ đạt 5.055 tỷ đồng, tăng trưởng 14,1% YoY. **Khối Công nghệ tiếp tục giữ vai trò chủ chốt**, với doanh thu đạt 23.138 tỷ đồng (+15% YoY; chiếm 88% doanh thu) và LNTT đạt 3.314 tỷ đồng (+16,9% YoY; chiếm 58% LNTT của FPT). **Doanh thu chuyển đổi số từ thị trường nước ngoài đạt 9.610 tỷ đồng (+23,8% YoY)**, tập trung vào các công nghệ mới như AI/Data Analytics, Cybersecurity.
  - **MWG:** Trong 1H26, doanh thu đạt 95,3 nghìn tỷ đồng (+29% YoY), hoàn thành 52% kế hoạch năm, **nhờ sự tích cực ở cả 2 mảng kinh doanh cốt lõi là điện thoại - điện máy và thực phẩm**. Chuỗi Bách hóa Xanh ghi nhận doanh thu 28,3 nghìn tỷ đồng (+25% YoY), mở mới 632 cửa hàng. Trong khi đó, CTCP Đầu tư Điện máy Xanh (DMX) - đơn vị quản lý mảng điện thoại, điện máy của MWG - đạt doanh thu gần 65,1 nghìn tỷ đồng (+31% YoY).
  - **VPB:** Quý 2/2026, **VPBank ghi nhận lợi nhuận sau thuế cổ đông ngân hàng mẹ đạt 8.385 tỷ đồng (+72% YoY), cao nhất lịch sử theo quý; lũy kế 6 tháng, LNTT hợp nhất đạt 18.880 tỷ đồng (+68% YoY)**, hoàn thành 45,7% kế hoạch năm. Dư nợ cho vay khách hàng đạt 1,16 triệu tỷ đồng (+23,0% YTD, +40,1% YoY), gấp 3 lần tốc độ toàn ngành nhờ lợi thế hạn mức tín dụng sau nhận chuyển giao GPBank; tiền gửi khách hàng tăng 16,7% YTD. Chất lượng tài sản cải thiện với tỷ lệ nợ xấu giảm về 3,3% từ mức 3,6% quý trước, tỷ lệ bao phủ nợ xấu nhích lên 56%.
  - **TCX: Quý 2/2026, tổng doanh thu TCBS đạt 3.745 tỷ đồng (+41% YoY) và LNTT đạt 2.097 tỷ đồng (+21% YoY)**. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026, LNTT đạt 3.555 tỷ đồng, hoàn thành 47% kế hoạch lợi nhuận cả năm. Quy mô cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán đạt hơn 51,5 nghìn tỷ đồng (+52% YoY). Tỷ lệ dư nợ cho vay ký quỹ trên vốn chủ sở hữu đạt 1,13 lần.

## 2 Thị trường chứng khoán Việt Nam

### VN-Index: 1.787,45 (-2,2% WoW) giảm tuần thứ 3 liên tiếp và thanh khoản vẫn ở mức thấp

- **Chịu ảnh hưởng bởi yếu tố bên ngoài** (căng thẳng Mỹ - Iran leo thang, đà bán tháo cổ phiếu AI toàn cầu) và **áp lực lãi suất vẫn hiện hữu**, VN-Index giao dịch tăng giảm đan xen trong tuần qua. Đặc biệt, trong phiên đảo hạm phái sinh vào thứ Năm, VN-Index giảm chạm hỗ trợ 1760, lực cầu từ một số cổ phiếu Dịch vụ tài chính (TCX, HCM) và Ngân hàng (ACB, STB) giúp thị trường thu hẹp đà giảm.
- Trong khi hầu hết các ngành đều giảm điểm, **một số ngành phòng thủ như Tiêu dùng thiết yếu (VNM, MCH) và Tiện ích (GAS) tích cực trong bối cảnh thị trường biến động mạnh**.
- **Thanh khoản vẫn ở mức thấp (GTGD bình quân khoảng 14,5 nghìn tỷ/ngày; +4% WoW)**. Trong đó, CNTT, Bất động sản, Ngân hàng có thanh khoản cải thiện so với tuần trước.

#### Biến động vốn hóa trong tuần và xếp hạng thanh khoản theo ngành

| Phân ngành GICS           | Vốn hóa            |             |              | Thanh khoản |             |
|---------------------------|--------------------|-------------|--------------|-------------|-------------|
|                           | Giá trị (nghìn tỷ) | Tỷ trọng    | Thay đổi     | Xếp hạng    | Thay đổi    |
| <b>VN-Index</b>           | <b>8,517</b>       | <b>100%</b> | <b>-1.9%</b> | <b>23%</b>  | <b>4.0%</b> |
| Bất động sản              | 2,790              | 33%         | -2%          | 23%         | 16%         |
| Ngân hàng                 | 2,609              | 31%         | -2%          | 23%         | 17%         |
| Tiêu dùng thiết yếu       | 602                | 7.1%        | 1%           | 15%         | -16%        |
| Dịch vụ tài chính         | 497                | 5.8%        | -3%          | 54%         | -3%         |
| Nguyên vật liệu           | 436                | 5.1%        | -4%          | 46%         | 12%         |
| Tiện ích                  | 328                | 3.8%        | 1%           | 15%         | -14%        |
| Xây dựng cơ bản           | 287                | 3.4%        | -3%          | 8%          | -27%        |
| Vận tải                   | 284                | 3.3%        | -4%          | 15%         | -3%         |
| Dầu khí                   | 202                | 2.4%        | -2%          | 38%         | -13%        |
| Tiêu dùng không thiết yếu | 203                | 2.4%        | -1%          | 54%         | -6%         |
| CNTT                      | 123                | 1.4%        | -5%          | 46%         | 42%         |
| Bảo hiểm                  | 57                 | 0.7%        | 1%           | 38%         | -3%         |

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam. Dữ liệu cập nhật tới 17/07/2026.

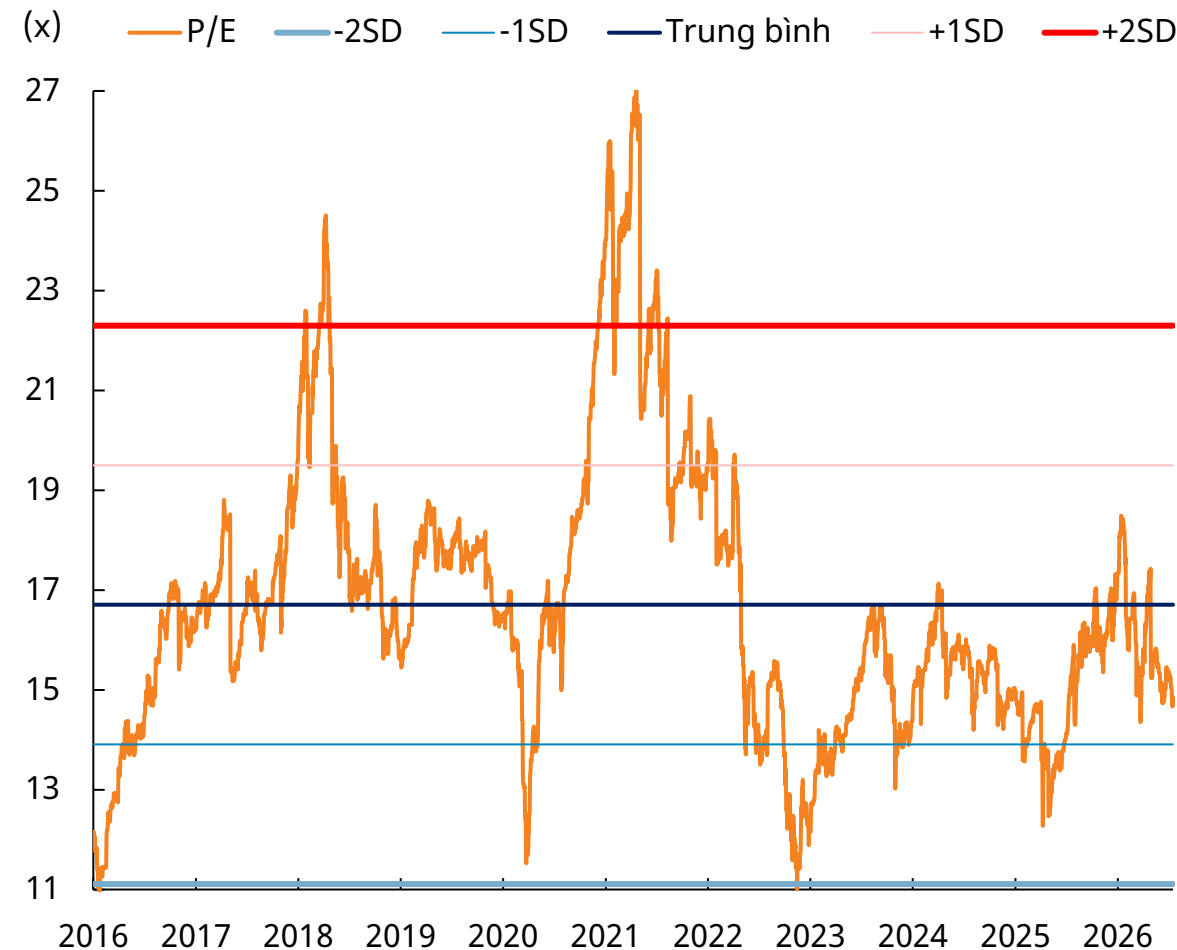
Quy tắc đánh giá của chúng tôi: Mức độ tương đối của giá trị giao dịch từng ngành trong 12 tuần. Tích cực (xanh) biểu thị 33.33% cao nhất; Tiêu cực (đỏ) là thấp nhất; và Trung lập (vàng) là ở giữa.

### 3 Triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam

#### Kỳ vọng thiết lập cân bằng tại vùng hỗ trợ 1760

- **Thị trường kỳ vọng vẫn thận trọng trong ngắn hạn:** 1) Bất ổn địa chính trị bên ngoài và “cơn gió ngược” Fed với sự bất định hơn trong chính sách điều hành của chủ tịch mới; 2) Áp lực về lãi suất và đà bán ròn của khối ngoại; 3) Tâm lý chờ đợi những tín hiệu ban đầu của hiệu quả chính sách thúc đẩy kinh tế trong nước được ban hành. Do vậy, **việc duy trì tỷ trọng danh mục ở mức an toàn và quản trị rủi ro vẫn nên được ưu tiên.**
- **Trong ngắn hạn, chúng tôi kỳ vọng thị trường có thể kiểm định và thiết lập cân bằng tại vùng 1760–1780.**
- **Ngưỡng hỗ trợ: 1760. Ngưỡng kháng cự: 1880.**
- Thị trường kỳ vọng tiếp tục phân hóa trong mùa cao điểm KQKD quý 2, với một số yếu tố hỗ trợ: 1) Mức định giá của nhiều cổ phiếu đang hấp dẫn, với triển vọng quý 2 và cả năm duy trì tích cực; 2) Các chính sách hỗ trợ kinh tế để đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế 10%.
- **Định giá: P/E giảm về mức 14,8x**, vẫn hấp dẫn so với mức trung bình dài hạn 17x, đi kèm triển vọng năm 2026 khả quan (dự báo tăng trưởng lợi nhuận toàn thị trường là 20%).

VN-Index và khung định giá theo mức biến động P/E trong 10 năm gần nhất



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg. cập nhật tới 17/07/2026.

| Ngành             | Mã cổ phiếu | Vốn hóa (tỷ đồng) | Free-float (%) | Giá (VNĐ)    |                  |                   | Biến động giá (%) |        |         |       | Chỉ số định giá (12T gần nhất) |     |         | Sở hữu khối ngoại |             |
|-------------------|-------------|-------------------|----------------|--------------|------------------|-------------------|-------------------|--------|---------|-------|--------------------------------|-----|---------|-------------------|-------------|
|                   |             |                   |                | Giá đóng cửa | Cao nhất 52 tuần | Thấp nhất 52 tuần | 1 ngày            | 1 tuần | 1 tháng | 1 năm | P/E                            | P/B | ROE (%) | Hiện tại (%)      | Còn lại (%) |
| VN-Index          |             | 8,517,140         | 49.4           | 1,787.45     | 1,936.55         | 1,479.98          | -0.9              | -2.2   | -1.0    | 20.0  | 14.8                           | 2.1 | 15.1    | 13.6              | 30.4        |
| VN30 Index        |             | 6,304,543         | 47.2           | 1,931.65     | 2,102.77         | 1,584.98          | -0.5              | -2.0   | -1.3    | 18.2  | 12.9                           | 2.1 | 16.8    | 16.7              | 19.9        |
| VN100 Index       |             | 7,476,702         | 49.0           | 1,852.65     | 2,008.27         | 1,550.43          | -0.6              | -2.1   | -1.8    | 19.1  | 12.7                           | 1.8 | 15.1    | 15.1              | 25.9        |
| Ngân hàng         | VCB         | 488,807           | 25.2           | 58,500       | 76,000           | 56,600            | -1.5              | -3.3   | -5.9    | -5.9  | 13.6                           | 2.1 | 16.4    | 20.2              | 9.8         |
|                   | BID         | 282,467           | 23.3           | 38,800       | 54,500           | 36,200            | -1.3              | -5.4   | -9.7    | 1.3   | 8.8                            | 1.5 | 18.4    | 17.5              | 12.5        |
|                   | CTG         | 248,542           | 35.5           | 32,000       | 41,550           | 30,525            | -0.9              | -5.0   | -6.7    | 2.9   | 6.5                            | 1.3 | 22.4    | 24.6              | 5.4         |
|                   | TCB         | 222,862           | 82.2           | 31,450       | 41,650           | 29,650            | -1.4              | -2.9   | 0.0     | -10.5 | 8.6                            | 1.3 | 15.8    | 21.5              | 1.1         |
|                   | VPB         | 205,092           | 91.3           | 25,850       | 38,250           | 20,800            | -0.6              | -3.2   | -2.5    | 23.7  | 6.9                            | 1.2 | 16.4    | 23.7              | 6.3         |
|                   | MBB         | 191,306           | 69.2           | 23,750       | 29,500           | 20,152            | -1.7              | -3.7   | -5.8    | 17.2  | 6.9                            | 1.3 | 21.2    | 22.2              | 1.0         |
|                   | LPB         | 158,027           | 93.3           | 52,900       | 56,200           | 33,400            | 1.7               | -0.9   | 12.8    | 57.2  | 14.2                           | 3.2 | 23.4    | 1.1               | 3.9         |
|                   | HDB         | 136,394           | 77.3           | 27,250       | 29,700           | 18,583            | 0.4               | 0.9    | 7.9     | 45.1  | 7.5                            | 1.7 | 24.5    | 21.6              | 5.4         |
|                   | STB         | 138,563           | 96.7           | 73,500       | 75,000           | 46,000            | 2.4               | 4.9    | 1.9     | 54.1  | 18.1                           | 2.3 | 7.8     | 11.4              | 18.6        |
|                   | ACB         | 136,694           | 92.9           | 23,550       | 26,018           | 19,823            | -0.8              | 4.4    | 7.0     | 18.5  | 8.4                            | 1.4 | 17.5    | 24.7              | 5.3         |
|                   | SHB         | 67,598            | 88.4           | 12,650       | 18,825           | 12,298            | -0.4              | -3.8   | -9.6    | 1.4   | 4.8                            | 0.8 | 18.3    | 4.1               | 25.9        |
|                   | SSB         | 54,689            | 88.6           | 15,950       | 19,748           | 13,566            | -0.3              | -1.8   | 7.0     | -3.9  | 18.0                           | 1.3 | 7.6     | 0.3               | 29.7        |
|                   | VIB         | 52,422            | 77.3           | 15,400       | 24,800           | 15,350            | -0.3              | -3.4   | -6.1    | -9.7  | 6.9                            | 1.1 | 16.4    | 3.8               | 1.2         |
|                   | MSB         | 51,012            | 92.9           | 16,350       | 16,450           | 10,875            | 0.0               | 3.5    | 5.1     | 48.1  | 8.7                            | 1.2 | 14.3    | 7.6               | 22.4        |
|                   | TPB         | 42,166            | 78.0           | 15,200       | 21,714           | 14,143            | -1.3              | -4.7   | -7.6    | 7.1   | 5.7                            | 1.0 | 17.6    | 23.2              | 6.8         |
|                   | EIB         | 35,392            | 90.0           | 19,000       | 30,900           | 18,650            | -0.3              | -3.8   | -11.4   | -22.6 | 47.3                           | 1.3 | 2.9     | 2.1               | 27.9        |
|                   | OCB         | 33,534            | 89.2           | 10,950       | 13,391           | 9,217             | 1.4               | -1.4   | 1.6     | 9.7   | 7.8                            | 1.0 | 12.7    | 19.6              | 2.4         |
|                   | NAB         | 26,559            | 93.4           | 12,900       | 14,167           | 10,083            | -1.1              | -3.0   | 4.0     | 6.0   | 5.9                            | 1.1 | 20.1    | 1.2               | 28.8        |
| Dịch vụ tài chính | SSI         | 60,409            | 91.9           | 24,250       | 40,214           | 24,250            | -3.0              | -8.7   | -12.5   | -16.5 | 12.2                           | 1.5 | 13.5    | 30.9              | 69.1        |
|                   | VIX         | 33,691            | 99.8           | 13,750       | 33,907           | 13,700            | -2.1              | -11.0  | -23.4   | -7.8  | 4.8                            | 1.2 | 27.2    | 7.3               | 92.7        |
|                   | HCM         | 34,289            | 64.7           | 25,400       | 26,606           | 17,941            | 2.0               | 4.4    | 5.5     | 16.6  | 24.5                           | 2.2 | 10.1    | 34.3              | 14.7        |
|                   | VCI         | 24,485            | 75.4           | 21,250       | 36,630           | 21,250            | -2.7              | -13.1  | -13.8   | -30.5 | 15.5                           | 1.4 | 9.3     | 17.8              | 82.2        |
|                   | VND         | 27,173            | 71.2           | 17,850       | 27,350           | 15,300            | 1.1               | -0.8   | -1.7    | -3.5  | 12.4                           | 1.3 | 10.5    | 8.2               | 91.8        |
|                   | FTS         | 9,224             | 80.5           | 24,200       | 39,591           | 22,500            | -3.4              | -9.9   | -10.7   | -35.3 | 22.8                           | 2.0 | 9.2     | 24.7              | 75.3        |
|                   | DSE         | 9,678             | 51.1           | 22,600       | 31,225           | 21,450            | -0.7              | -2.0   | 1.3     | -3.0  | 36.3                           | 1.8 | 4.9     | 10.7              | 89.3        |
|                   | EVF         | 9,621             | 98.6           | 12,650       | 16,500           | 10,800            | 0.0               | -0.8   | -10.6   | 6.3   | 10.9                           | 0.9 | 9.1     | 0.3               | 14.7        |
|                   | BSI         | 8,650             | 13.0           | 32,050       | 50,909           | 30,000            | -0.8              | -7.0   | -8.9    | -22.0 | 17.3                           | 1.5 | 9.3     | 35.6              | 64.4        |
|                   | CTS         | 7,106             | 24.4           | 26,100       | 36,328           | 20,117            | -4.0              | -6.5   | 2.4     | 8.3   | 12.1                           | 2.4 | 20.4    | 0.5               | 48.5        |
| Bảo hiểm          | BVH         | 44,539            | 35.0           | 60,000       | 85,300           | 48,250            | -0.8              | 1.7    | -10.3   | 12.1  | 15.0                           | 1.8 | 12.2    | 27.3              | 21.7        |

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày 17/07/2026. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

## VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

| Ngành           | Mã cổ phiếu | Vốn hóa (tỷ đồng) | Free-float (%) | Giá (VNĐ)    |                  |                   | Biến động giá (%) |        |         |       | Chỉ số định giá (12T gần nhất) |      |         | Sở hữu khối ngoại |             |
|-----------------|-------------|-------------------|----------------|--------------|------------------|-------------------|-------------------|--------|---------|-------|--------------------------------|------|---------|-------------------|-------------|
|                 |             |                   |                | Giá đóng cửa | Cao nhất 52 tuần | Thấp nhất 52 tuần | 1 ngày            | 1 tuần | 1 tháng | 1 năm | P/E                            | P/B  | ROE (%) | Hiện tại (%)      | Còn lại (%) |
| Bất động sản    | VIC         | 1,707,681         | 34.4           | 220,000      | 231,800          | 52,000            | -1.3              | -1.3   | 14.6    | 260.7 | 145.0                          | 11.4 | 8.0     | 3.2               | 44.9        |
|                 | VHM         | 577,091           | 28.3           | 140,500      | 164,000          | 87,800            | -1.6              | -4.4   | 4.1     | 49.3  | 8.9                            | 2.2  | 27.7    | 7.5               | 42.5        |
|                 | VPL         | 143,105           | 100.0          | 79,800       | 109,100          | 70,900            | -2.6              | -3.0   | -10.6   | -11.6 | 56.8                           | 3.8  | 6.8     | 1.9               | 47.1        |
|                 | VRE         | 55,785            | 39.7           | 24,550       | 43,550           | 24,550            | -2.0              | -6.8   | -12.8   | -17.5 | 8.1                            | 1.1  | 14.8    | 11.8              | 37.2        |
|                 | BCM         | 45,540            | 3.4            | 44,000       | 79,500           | 41,800            | -0.2              | -9.7   | -19.3   | -34.6 | 13.6                           | 2.1  | 16.4    | 0.8               | 33.2        |
|                 | NVL         | 30,386            | 68.5           | 12,650       | 19,535           | 10,326            | 0.0               | 2.4    | -5.2    | -17.1 | 9.4                            | 0.7  | 7.3     | 5.0               | 44.0        |
|                 | KBC         | 26,416            | 72.6           | 28,050       | 43,100           | 27,750            | -1.2              | -1.9   | -9.7    | -1.2  | 16.2                           | 1.1  | 7.0     | 7.6               | 41.5        |
|                 | KDH         | 20,705            | 59.5           | 18,450       | 37,500           | 18,400            | -2.9              | -9.1   | -20.8   | -36.3 | 18.4                           | 1.1  | 6.2     | 24.8              | 25.2        |
|                 | VPI         | 19,587            | 44.1           | 61,200       | 63,800           | 50,400            | -1.1              | -1.9   | 1.2     | 19.1  | 70.8                           | 3.7  | 5.4     | 9.8               | 39.2        |
|                 | DXG         | 15,471            | 81.0           | 12,200       | 21,228           | 11,886            | 0.0               | 1.2    | -8.6    | -29.8 | 65.4                           | 1.1  | 1.7     | 18.9              | 31.1        |
|                 | SJS         | 14,130            | 63.9           | 47,500       | 79,000           | 41,583            | -1.0              | -0.6   | -3.1    | 15.0  | 30.0                           | 3.9  | 14.1    | 0.6               | 49.4        |
|                 | PDR         | 13,421            | 63.3           | 13,450       | 27,200           | 13,200            | -1.1              | -4.3   | -11.2   | -30.5 | 22.1                           | 1.1  | 5.1     | 6.5               | 43.5        |
|                 | NLG         | 12,057            | 78.9           | 24,850       | 43,159           | 24,550            | 0.2               | -0.6   | -10.1   | -34.4 | 18.4                           | 0.9  | 5.5     | 40.4              | 9.6         |
|                 | SIP         | 11,730            | 48.1           | 48,450       | 68,900           | 48,100            | 0.8               | -2.3   | -5.4    | -21.6 | 9.5                            | 2.1  | 24.4    | 2.3               | 46.7        |
|                 | DIG         | 9,597             | 92.0           | 12,050       | 25,100           | 12,050            | -3.2              | -2.0   | -8.4    | -35.2 | 13.5                           | 1.0  | 7.6     | 2.0               | 47.0        |
|                 | KOS         | 7,858             | 44.1           | 36,300       | 42,150           | 36,200            | 0.3               | -4.6   | -3.6    | -6.1  | 413.7                          | 3.4  | 0.8     | 0.1               | 48.9        |
|                 | DXS         | 3,880             | 36.3           | 6,700        | 13,950           | 6,120             | -2.0              | -4.7   | -11.6   | -38.0 | 7.7                            | 0.6  | 8.0     | 6.9               | 43.1        |
|                 | SZC         | 3,636             | 43.0           | 20,200       | 39,100           | 20,000            | 0.2               | -3.8   | -14.9   | -45.9 | 15.5                           | 1.1  | 7.3     | 1.3               | 18.7        |
|                 | HDC         | 3,032             | 83.5           | 13,200       | 32,842           | 13,200            | -4.3              | -9.9   | -18.8   | -44.1 | 4.4                            | 1.0  | 26.2    | 1.2               | 47.8        |
| Xây dựng cơ bản | GEE         | 52,073            | 18.3           | 81,300       | 140,457          | 59,429            | -1.0              | 1.5    | -15.2   | 17.4  | 14.6                           | 6.5  | 47.9    | 1.0               | 49.0        |
|                 | GEX         | 32,712            | 75.5           | 25,000       | 45,310           | 23,172            | -1.4              | -6.0   | -19.7   | -15.5 | 22.0                           | 1.7  | 8.8     | 7.0               | 43.0        |
|                 | REE         | 28,809            | 38.0           | 46,250       | 63,043           | 46,000            | 0.9               | -1.6   | -9.1    | -21.8 | 10.9                           | 1.4  | 13.0    | 49.0              | 0.0         |
|                 | VGC         | 18,539            | 11.1           | 41,350       | 66,600           | 39,250            | -1.1              | -1.5   | -5.9    | -12.6 | 14.3                           | 2.1  | 14.8    | 0.9               | 48.1        |
|                 | VCG         | 11,730            | 54.9           | 16,800       | 26,481           | 16,800            | -3.2              | -10.6  | -10.0   | -22.3 | 3.0                            | 1.0  | 38.9    | 2.3               | 46.7        |
|                 | TCH         | 12,268            | 57.8           | 13,450       | 24,571           | 13,400            | -2.5              | -1.5   | -12.1   | -34.3 | 56.7                           | 1.1  | 2.0     | 10.2              | 40.8        |
|                 | BMP         | 12,410            | 44.2           | 151,600      | 184,200          | 124,300           | 0.1               | 3.8    | 2.8     | 8.1   | 9.7                            | 3.9  | 40.4    | 82.1              | 17.9        |
|                 | CII         | 10,315            | 95.6           | 15,350       | 31,350           | 14,167            | -4.1              | -5.0   | -14.0   | 10.1  | 89.0                           | 1.1  | 1.2     | 3.6               | 36.4        |
|                 | CTR         | 8,904             | 34.2           | 69,500       | 98,661           | 69,000            | -0.7              | -6.1   | -10.3   | -23.5 | 14.2                           | 4.0  | 29.8    | 4.1               | 44.9        |
|                 | PC1         | 8,966             | 70.9           | 21,800       | 30,150           | 17,750            | -2.0              | 2.6    | 9.5     | 9.2   | 8.8                            | 1.3  | 16.5    | 8.6               | 41.4        |
|                 | CTD         | 7,101             | 44.4           | 63,500       | 93,878           | 63,500            | -4.1              | -7.7   | -13.7   | -20.2 | 8.4                            | 0.7  | 9.2     | 46.9              | 2.1         |
|                 | HDG         | 7,244             | 58.7           | 17,800       | 32,909           | 17,800            | -2.7              | -5.8   | -16.8   | -30.6 | 10.9                           | 1.1  | 10.3    | 16.7              | 33.3        |
|                 | HHV         | 5,636             | 85.5           | 10,300       | 16,134           | 10,250            | -0.5              | -3.7   | -7.6    | -14.8 | 8.8                            | 0.5  | 5.8     | 9.9               | 39.1        |

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày 17/07/2026. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

| Ngành           | Mã cổ phiếu | Vốn hóa   | Free-float | Giá (VNĐ)    |                  |                   | Biến động giá (%) |        |         |       | Chỉ số định giá (12T gần nhất) |     |         | Sở hữu khối ngoại |             |
|-----------------|-------------|-----------|------------|--------------|------------------|-------------------|-------------------|--------|---------|-------|--------------------------------|-----|---------|-------------------|-------------|
|                 |             | (tỷ đồng) | (%)        | Giá đóng cửa | Cao nhất 52 tuần | Thấp nhất 52 tuần | 1 ngày            | 1 tuần | 1 tháng | 1 năm | P/E                            | P/B | ROE (%) | Hiện tại (%)      | Còn lại (%) |
| Nguyên vật liệu | HPG         | 184,480   | 82.0       | 21,850       | 27,364           | 21,850            | -1.6              | -4.8   | -9.0    | -7.6  | 8.7                            | 1.3 | 16.4    | 21.3              | 27.7        |
|                 | GVR         | 118,800   | 3.2        | 29,700       | 42,300           | 25,100            | -1.8              | -2.9   | -16.5   | -1.2  | 18.7                           | 2.0 | 11.2    | 0.6               | 12.4        |
|                 | DCM         | 16,782    | 24.4       | 31,700       | 52,300           | 31,550            | -2.2              | -3.4   | -12.7   | -6.9  | 8.2                            | 1.5 | 18.6    | 6.3               | 42.7        |
|                 | DPM         | 15,978    | 40.4       | 23,500       | 35,800           | 21,750            | -1.1              | 0.4    | -0.6    | 5.8   | 13.9                           | 1.4 | 11.1    | 3.7               | 46.3        |
|                 | HSG         | 9,122     | 82.0       | 11,300       | 16,231           | 10,923            | -2.6              | -0.4   | -6.2    | -18.4 | 16.6                           | 0.8 | 4.6     | 3.3               | 45.7        |
|                 | PHR         | 8,252     | 33.0       | 60,900       | 71,300           | 50,700            | -1.1              | -3.6   | -6.2    | 1.5   | 12.5                           | 1.9 | 16.2    | 12.2              | 36.8        |
|                 | NKG         | 5,489     | 76.2       | 11,150       | 18,545           | 11,100            | -3.5              | -6.7   | -11.2   | -14.2 | 35.6                           | 0.7 | 2.0     | 4.5               | 45.5        |
|                 | HT1         | 4,770     | 19.4       | 12,500       | 18,500           | 12,500            | -2.0              | -4.6   | -9.7    | -4.2  | 13.2                           | 0.9 | 7.2     | 2.1               | 46.9        |
| Vận tải         | VJC         | 100,982   | 52.9       | 131,300      | 163,462          | 71,538            | -0.9              | -4.9   | -8.8    | 81.0  | 39.3                           | 3.9 | 11.4    | 6.3               | 23.7        |
|                 | GMD         | 33,053    | 96.0       | 77,500       | 85,100           | 55,700            | -1.9              | 2.9    | -1.6    | 35.7  | 18.9                           | 2.4 | 13.2    | 40.7              | 8.3         |
|                 | VTP         | 10,148    | 57.1       | 50,000       | 80,796           | 49,850            | -2.7              | -7.2   | -10.4   | -35.7 | 29.6                           | 5.5 | 19.3    | 3.9               | 45.2        |
|                 | VSC         | 5,503     | 49.5       | 14,700       | 33,850           | 14,700            | -3.0              | -9.8   | -27.4   | -14.5 | 20.1                           | 1.1 | 5.5     | 2.0               | 47.0        |
|                 | SCS         | 4,574     | 38.1       | 48,200       | 69,500           | 48,100            | 0.2               | -0.6   | -4.6    | -27.7 | 6.1                            | 2.8 | 47.6    | 8.5               | 21.5        |
| Dầu khí         | BSR         | 124,682   | 7.9        | 24,900       | 39,500           | 11,455            | -4.2              | -2.4   | -5.5    | 115.6 | 9.5                            | 1.8 | 21.0    | 1.2               | 47.8        |
|                 | PLX         | 44,725    | 9.4        | 35,200       | 67,000           | 33,300            | -1.9              | -2.2   | -8.9    | -5.1  | 27.3                           | 1.8 | 6.9     | 14.0              | 6.0         |
|                 | PVD         | 18,138    | 47.3       | 19,550       | 25,824           | 11,983            | -1.8              | 0.4    | 7.9     | 59.9  | 15.5                           | 1.1 | 7.2     | 9.6               | 40.4        |
|                 | PVT         | 9,356     | 48.9       | 18,100       | 27,909           | 15,500            | -2.4              | -4.2   | -8.4    | 10.0  | 8.2                            | 1.0 | 13.5    | 12.5              | 36.6        |
| Tiện ích        | GAS         | 183,867   | 4.2        | 76,200       | 122,000          | 58,500            | -1.6              | 1.3    | -5.8    | 15.9  | 15.8                           | 2.7 | 17.6    | 2.1               | 46.9        |
|                 | POW         | 42,643    | 27.4       | 13,900       | 15,350           | 10,869            | -1.4              | -1.4   | -1.8    | 22.3  | 12.7                           | 1.1 | 9.0     | 4.6               | 45.4        |
|                 | BWE         | 9,963     | 27.4       | 45,300       | 50,200           | 41,900            | -0.5              | 0.2    | 1.9     | -4.7  | 11.3                           | 1.6 | 15.7    | 2.4               | 46.6        |
|                 | NT2         | 6,204     | 32.3       | 21,550       | 28,300           | 19,750            | 1.2               | -1.1   | -6.1    | 8.8   | 5.0                            | 1.2 | 27.6    | 10.7              | 38.3        |

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày 17/07/2026. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

## VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

| Ngành                     | Mã cổ phiếu | Vốn hóa   | Free-float | Giá (VNĐ)    |                  |                   | Biến động giá (%) |        |         |       | Chỉ số định giá (12T gần nhất) |     |         | Sở hữu khối ngoại |             |
|---------------------------|-------------|-----------|------------|--------------|------------------|-------------------|-------------------|--------|---------|-------|--------------------------------|-----|---------|-------------------|-------------|
|                           |             | (tỷ đồng) | (%)        | Giá đóng cửa | Cao nhất 52 tuần | Thấp nhất 52 tuần | 1 ngày            | 1 tuần | 1 tháng | 1 năm | P/E                            | P/B | ROE (%) | Hiện tại (%)      | Còn lại (%) |
| Tiêu dùng thiết yếu       | VNM         | 123,307   | 38.2       | 59,000       | 73,000           | 54,700            | 5.0               | 4.2    | 0.0     | -1.8  | 13.4                           | 3.8 | 27.7    | 48.8              | 51.2        |
|                           | MSN         | 99,305    | 52.1       | 68,000       | 94,000           | 67,400            | 0.0               | -1.2   | -6.2    | -10.8 | 20.8                           | 2.8 | 14.7    | 23.9              | 76.1        |
|                           | SAB         | 60,152    | 10.4       | 46,900       | 53,800           | 42,600            | 1.2               | -0.5   | -3.9    | -3.1  | 12.9                           | 2.7 | 20.8    | 58.6              | 41.4        |
|                           | SBT         | 18,944    | 59.7       | 20,900       | 25,236           | 19,245            | -0.7              | -1.9   | -3.9    | 8.9   | 29.3                           | 1.7 | 6.0     | 19.7              | 80.3        |
|                           | HAG         | 18,441    | 73.7       | 14,550       | 18,400           | 13,800            | -0.3              | -0.7   | -5.2    | 4.7   | 6.0                            | 1.3 | 24.4    | 1.8               | 47.2        |
|                           | KDC         | 13,707    | 66.1       | 49,600       | 56,300           | 38,700            | -0.2              | -0.6   | -1.6    | -11.7 | 23.5                           | 2.1 | 9.2     | 13.7              | 36.3        |
|                           | VHC         | 11,981    | 51.9       | 57,200       | 65,600           | 52,900            | 0.9               | -0.5   | -2.2    | -0.7  | 8.6                            | 1.3 | 15.9    | 18.9              | 81.1        |
|                           | BAF         | 10,854    | 65.8       | 29,750       | 32,583           | 26,208            | 0.3               | -1.0   | 1.1     | 5.0   | 47.2                           | 2.5 | 5.5     | 2.8               | 47.2        |
|                           | DBC         | 7,522     | 72.0       | 17,450       | 28,300           | 17,350            | -1.7              | 0.6    | -9.1    | -33.9 | 5.5                            | 0.9 | 17.5    | 1.4               | 47.6        |
|                           | PAN         | 5,314     | 82.1       | 21,200       | 29,417           | 21,000            | -0.2              | -4.3   | -8.6    | -15.5 | 4.6                            | 0.9 | 20.9    | 22.3              | 26.7        |
|                           | ANV         | 4,819     | 33.7       | 18,100       | 33,450           | 18,100            | -1.4              | -7.7   | -17.4   | -21.3 | 4.5                            | 1.3 | 32.0    | 2.8               | 46.2        |
| Tiêu dùng không thiết yếu | MWG         | 112,628   | 86.3       | 76,700       | 93,900           | 65,200            | 0.0               | 0.1    | -3.0    | 8.8   | 13.8                           | 3.2 | 25.4    | 49.0              | 0.0         |
|                           | PNJ         | 22,004    | 89.8       | 43,000       | 84,667           | 40,500            | 5.1               | -7.7   | -36.8   | -25.3 | 6.3                            | 1.5 | 27.7    | 47.2              | 1.8         |
|                           | FRT         | 19,992    | 49.1       | 111,800      | 162,857          | 109,000           | 0.4               | -1.8   | -11.1   | -23.0 | 21.9                           | 4.5 | 28.0    | 31.3              | 17.8        |
|                           | DGW         | 8,271     | 63.1       | 37,400       | 54,900           | 37,250            | -1.6              | -2.9   | -11.0   | -16.0 | 12.8                           | 2.3 | 19.1    | 23.1              | 25.9        |
| CNTT                      | FPT         | 114,860   | 89.5       | 67,000       | 111,500          | 67,000            | -1.5              | -5.1   | -7.3    | -39.3 | 11.8                           | 2.9 | 27.3    | 27.4              | 21.6        |
|                           | CMG         | 6,079     | 51.4       | 26,100       | 41,636           | 25,500            | 0.8               | -3.3   | -6.5    | -31.1 | 14.7                           | 1.9 | 13.4    | 36.5              | 13.5        |
| Chăm sóc sức khỏe         | IMP         | 6,022     | 56.9       | 39,100       | 56,700           | 39,000            | -3.0              | -5.1   | -14.8   | -24.5 | 19.2                           | 2.5 | 13.3    | 72.7              | 5.3         |

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày 17/07/2026. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

# Phụ lục

## Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

## Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations. No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.